

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 05698/2026/PKQ(26.4150)

- Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ phần KCN tổ hợp công nghệ Thành Công Việt Hưng
- Địa chỉ : KCN Việt Hưng, phường Việt Hưng, Quảng Ninh
- Địa điểm lấy mẫu : KCN Việt Hưng, phường Việt Hưng, Quảng Ninh
- Ngày lấy mẫu : 23/06/2026
- Ngày đo đạc, phân tích: 23/06/2026 - 29/07/2026
- Ngày trả kết quả : 29/07/2026
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	KT230626-001	KT3	Khí hàn khu vực hàn Laser tại xưởng hàn thuộc xưởng liên hợp (hàn cốp sau) (2323045; 420403)	Khí thải
2	KT230626-002	KT4	Khí hàn khu vực hàn Laser tại xưởng hàn thuộc xưởng liên hợp (hàn nóc xe) (2323049; 420412)	Khí thải
3	KT230626-003	KT5	Khí thải khu vực tẩy dầu khu vực xử lý bề mặt (2323184; 420370)	Khí thải
4	KT230626-004	KT6	Khí thải khu vực bể photspat khu vực xử lý bề mặt (2323153; 420364)	Khí thải
5	KT230626-005	KT7	Khí thải khu vực sơn nhúng ED (2323137; 420361)	Khí thải
6	KT230626-006	KT8	Khí thải khu vực dây chuyền sấy ED (2323144; 420339)	Khí thải
7	KT230626-007	KT9	Khí thải khu vực làm mát sau sấy ED (2323186; 420350)	Khí thải

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định.
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





THỊNH TRƯỜNG PHÁT

Kết sức mạnh - Hòa thành công

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lỗ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 05698/2026/PKQ(26.4150)

8	KT230626-008	KT10	Khí thải khu vực dây chuyền sấy sơn lót (2323206; 420327)	Khí thải
9	KT230626-009	KT11	Khí thải khu vực làm mát sau sấy sơn lót (2323234; 420335)	Khí thải
10	KT230626-010	KT12	Khí thải khu vực dây chuyền sấy sơn màu (2323222; 420307)	Khí thải
11	KT230626-011	KT13	Khí thải khu vực làm mát sau sấy sơn màu (2323259; 420314)	Khí thải
12	KT230626-012	KT14	Ống khói chính xưởng Sơn (Khu vực sửa chữa dây chuyền sơn, dây chuyền sơn, bồn pha sơn) (2323151; 420257)	Khí thải
13	KT230626-013	KT15	Khí thải khu vực sấy nóng/ lạnh dây chuyền sơn (2323247; 420294)	Khí thải
14	KT230626-014	KT20	Khí thải khu vực phun ẩm bằng nước (2323184; 420370)	Khí thải
15	KT230626-015	KT21	Bụi, khí thải từ khu vực bắn keo (2323123; 420314)	Khí thải
16	KT230626-016	KT22	Bụi, khí thải từ khu vực rửa đồ gá (2323265; 420389)	Khí thải
17	KT230626-017	KT23	Khí thải phát sinh từ khu vực máy phát điện dự phòng số 1 của xưởng sơn thuộc xưởng liên hợp (2323081; 420241)	Khí thải
18	KT230626-018	KT27	Mùi, khí thải khu vực hệ thống xử lý nước thải công suất 500m3/h (2323000; 420277)	Khí thải

8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





THỊNH TRƯỜNG PHÁT
KẾT SỨC MẠNH - HẠ THẠCH CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

VIMCERTS 316

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 05698/2026/PKQ(26.4150)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ				QCĐP 5:2020/QN	QCVN 20:2009/ BTNMT
				KT3	KT4	KT5	KT6	Cmax	Nồng độ tối đa
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	TTP.SĐN.KT.01	33	35	32	33	-	-
2	Áp suất ^(b)	mmHg	US EPA Method 2	756	756	757	756	-	-
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.05	1,31	1,05	-	-	400	-
4	Nitơ oxit, (NO _x) (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	PPNB 06	8,08	6,77	-	-	680	-
5	Benzene ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	-	-	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	-	5
6	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	-	-	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	-	750
7	Xylen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	-	-	KPH (MDL = 0,6)	KPH (MDL = 0,6)	-	870
8	Cacbon monoxit, CO ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.04	7,64	4,22	-	-	800	-

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ				QCVN 20:2009/ BTNMT
				KT7	KT8	KT9	KT10	Nồng độ tối đa
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	TTP.SĐN.KT.01	30	156	30	160	-
2	Áp suất ^(b)	mmHg	US EPA Method 2	757	757	757	756	-

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định.
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





THỊNH TRƯỜNG PHÁT
Kết nối - Bền vững - Phát triển

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 05698/2026/PKQ(26.4150)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ				QCVN 20:2009/ BTNMT
				KT7	KT8	KT9	KT10	Nồng độ tối đa
3	Benzene ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	5
4	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	750
5	Xylen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL = 0,6)	KPH (MDL = 0,6)	KPH (MDL = 0,6)	KPH (MDL = 0,6)	870

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ				QCĐP 5:2020/ QN	QCVN 20:2009/ BTNMT
				KT11	KT12	KT13	KT14	Cmax	Nồng độ tối đa
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	TTP.SĐN.KT.01	32	162	31	34	-	-
2	Áp suất ^(b)	mmHg	US EPA Method 2	757	756	756	757	-	-
3	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	-	-	285.833	-	-
4	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	-	-	-	10,41	96 ⁽¹⁾	-
5	Benzene ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	-	5
6	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	-	750
7	Xylen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL = 0,6)	KPH (MDL = 0,6)	KPH (MDL = 0,6)	KPH (MDL = 0,6)	-	870

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- (-): Không phân tích/Không quy định.
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





THỊNH TRƯỜNG PHÁT
Kết sức mạnh - Hòa bình công

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 05698/2026/PKQ(26.4150)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ				QCVN 20:2009/ BTNMT
				KT15	KT20	KT21	KT22	Nồng độ tối đa
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	TTP.SĐN.KT.01	36	30	34	34	-
2	Áp suất ^(b)	mmHg	US EPA Method 2	757	757	756	757	-
3	Benzene ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	5
4	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	KPH (MDL = 0,60)	750
5	Xylen ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL = 0,6)	KPH (MDL = 0,6)	KPH (MDL = 0,6)	KPH (MDL = 0,6)	870

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ		QCĐP 5:2020/QN
				KT23	KT27	Cmax
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	TTP.SĐN.KT.01	81	30	-
2	Áp suất ^(b)	mmHg	US EPA Method 2	757	757	-
3	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	1.309	9.564	-
4	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	JIS K0108:2010	-	0,667	6
5	Lưu huỳnh điôxit, SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.05	0,00	-	400
6	Nitơ oxit, (NO _x) (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	PPNB 06	262,64	4,51	680
7	Cacbon monoxit, CO ^(b)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.04	696,43	1,60	800
8	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K0099:2020	-	1,09	40

Chú thích:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định.
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



Số phiếu: 05698/2026/PKQ(26.4150)

- (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- QCDP 5: 2020/QN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tỉnh Quảng Ninh.
- Nồng độ tối đa cho phép $C_{max} = C \cdot K_p \cdot K_v$ ($K_p=0,8$; $K_v=1$)
- ⁽¹⁾: Nồng độ tối đa cho phép với Bụi $C_{max} = C \cdot K_p \cdot K_v$ ($K_p=0,8$; $K_v=0,6$)
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- Nồng độ tối đa cho phép các chất hữu cơ trong khí thải công nghiệp phát thải vào môi trường không khí

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Mai Hoàng Anh

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

THỊNH TRƯỜNG PHÁT
Kết sức mạnh - Hội thành công

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





THỊNH TRƯỜNG PHÁT
Kết sức mạnh - Nội thành công

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 05697/2026/PKQ(26.4150)

- Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ phần KCN tổ hợp công nghệ Thành Công Việt Hưng
- Địa chỉ : KCN Việt Hưng, phường Việt Hưng, Quảng Ninh
- Địa điểm lấy mẫu : KCN Việt Hưng, phường Việt Hưng, Quảng Ninh
- Ngày lấy mẫu : 23/06/2026
- Ngày đo đạc, phân tích: 23/06/2026 - 29/07/2026
- Ngày trả kết quả : 29/07/2026
- Vị trí lấy mẫu :



STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	NT230626-001	NT	Hố ga thu nước thải bên ngoài hàng rào của Hệ thống xử lý nước thải: 500 m ³ /ngđ (2322838; 420627)	Nước thải

8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

THỊNH TRƯỜNG PHÁT

Kết sức mạnh - Nội thành công

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định.
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





THỊNH TRƯỜNG PHÁT
Kết nối - Phát triển - Hòa nhập

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 05697/2026/PKQ(26.4150)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	230/GPMT-BTNMT
				NT	Giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550.B:2023	22,3	40
2	Độ màu ^(b)	Pt/Co	TTP.SĐN.N.02	0,000	150
3	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,1	5,5-9
4	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2021	2,9	50
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/l	SMEWW 5220C:2023	6,4	150
6	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	TTP.SĐN.N.05	9,3	-
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	25	100
8	As ^(b)	mg/l	SMEWW3114B:2023	KPH (MDL = 0,001)	0,1
9	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/l	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL = 0,0003)	0,01
10	Chì (Pb) ^(b)	mg/l	SMEWW 3111B: 2023	KPH (MDL = 0,03)	0,5
11	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/l	SMEWW 3111B: 2023	KPH (MDL = 0,004)	0,1
12	Cr ⁶⁺ ^(b)	mg/l	SMEWW 3500 Cr-B:2023	KPH (MDL = 0,01)	0,1
13	Cr ³⁺ ^(b)	mg/l	TCVN 6222:2008 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,06)	1
14	Đồng (Cu) ^(b)	mg/l	SMEWW 3111B: 2023	KPH (MDL = 0,06)	2

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định.
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 05697/2026/PKQ(26.4150)

15	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/l	SMEWW 3111B: 2023	KPH (MDL = 0,11)	3
16	Niken (Ni) ^(b)	mg/l	SMEWW 3111B: 2023	KPH (MDL = 0,03)	0,5
17	Mangan (Mn) ^(b)	mg/l	SMEWW 3111B: 2023	KPH (MDL = 0,06)	1
18	Sắt (Fe) ^(b)	mg/l	TCVN 6177:1996	KPH (MDL = 0,01)	5
19	Xyanua (CN) ^(b)	mg/l	TCVN 6181:1996	KPH (MDL = 0,01)	0,1
20	Tổng phenol ^(b)	mg/l	TCVN 6216:1996	KPH (MDL = 0,001)	0,5
21	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 1,3)	10
22	Sunfua (tính theo H ₂ S) ^(b)	mg/l	TCVN 6637:2000	KPH (MDL = 0,02)	0,5
23	Florua (F ⁻) ^(b)	mg/l	SMEWW 4500-F- .B&D:2023	0,82	10
24	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ^(b)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL = 0,02)	10
25	Tổng N ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	3,1	40
26	Tổng P ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	5,74	6
27	Cl ^(b)	mg/l	TCVN 6194:1996	59,6	1000
28	Clo dư ^(b)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	KPH (MDL = 0,03)	2
29	Coliforms ^(a,b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	KPH	5000
30	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(b)	Bq/l	TCVN 6053:2021	KPH (MDL = 0,02)	0,1

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





THỊNH TRƯỜNG PHÁT
Khai sức mạnh - Hội thành công

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT

PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 05697/2026/PKQ(26.4150)

31	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta^{(b)}$	Bq/l	TCVN 6219:2021	KPH (MDL = 0,20)	1
----	-------------------------------------	------	----------------	---------------------	---

Chú thích:

- (a)- Thông số được chứng nhận VLat;
- (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- Theo tiêu chuẩn đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Việt Hưng được quy định tại giấy phép môi trường số 230/GPMT-BTNMT do Bộ tài nguyên môi trường cấp ngày 07/07/2023.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Mai Hoàng Anh

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

THỊNH TRƯỜNG PHÁT

Khai sức mạnh - Hội thành công

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;

